TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM TÂN** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày : 05 - 01 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân:1. Bà Nguyễn Thị Tơ;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim Trâm-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa số: 27/2023/TB-TA ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Hải V, sinh năm: 1975; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt);

2. *Bị đơn*: Ông Hồ Minh L, sinh năm: 1976; địa chỉ: Số C N, Khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Hải V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Hải V và ông Hồ Minh L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn thì vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng vì các con còn nhỏ nên bà phải chịu đựng chung sống với ông L.

Khoảng tháng 6/2023 thì vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, ông L đánh đập bà phải nhập viện để điều trị. Sau đó, bà về nhà mẹ ruột của mình tại Thôn B, xã T để sinh sống và ly thân với ông L cho đến nay

Bà V cho rằng quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng bà không thể tiếp tục nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L

Về con chung: Bà Trương Thị Bích V1 và ông Hồ Minh L có 03 con chung là Hồ Nhật H, sinh năm: 2001, Hồ Nhật Phương V2, sinh năm: 2003 và Hồ Nhật Minh T, sinh ngày 11/9/2009. Khi ly hôn, bà V1 đề nghị giao con chung là cháu T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng Hồ Nhật H, Hồ Nhật Phương V2 đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hồ Minh L trình bày:

Ông Hồ Minh L thừa nhận giữa ông và bà Trương Thị Hải V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận như bà V trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ của ông ở Khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Ông cho rằng bản thân ông cũng cần ly hôn nhưng do vợ ông không biết chuyện, lấy số tiền 700.000.000 đồng của gia đình bỏ đi nên ông không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, ông L chỉ trình bày nhưng không đồng ý ký vào biên bản lấy lời khai.

Về con chung, cấp dưỡng: Ông L đề nghị được trình bày sau nhưng đến nay, ông L không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Hải V có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án lập biên bản xác nhận vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà Trương Thị Hải V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai của bà để xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hải V,: Cho bà Trương Thị Hải V được ly hôn với ông Hồ Minh L; giao con chung Hồ Nhật Minh T, sinh ngày 11/9/2009 cho ông Hồ Minh

L trực tiếp nuôi dưỡng; đối với các con chung Hồ Nhật H, Hồ Nhật Phương V2 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Trương Thị Hải V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Hồ Minh L; yêu cầu Tòa án giao con chung Hồ Nhật Minh T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con. Do bị đơn có nơi cư trú tại Khu phố B, thị trấn T, huyện H nên Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Hải V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Hải V và ông Hồ Minh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận theo Trích lục kết hôn số: 167/TLKH-BS ngày 15/8/2023. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà V, ông L đủ điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà V, ông L là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hải V về việc ly hôn với ông Hồ Minh L: Bà V yêu cầu ly hôn với ông L vì cho rằng vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng và hiện nay bà không còn tình cảm với ông L nữa, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Nguyên nhân là do ông L dùng vũ lực đánh bà phải nhập viện điều trị. Quá trình giải quyết vụ án, ông L xác nhận bản thân ông cũng cần ly hôn với bà V nhưng do bà V lấy của ông 700.000.000 đồng nên ông không đồng ý lý hôn theo yêu cầu của bà V. Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ vợ chồng giữa bà V và ông L phát sinh mâu thuẫn như bà V trình bày là có cơ sở, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L dùng vũ lực đối với bà. Điều này phù hợp với Giấy xác nhận về việc khám và điều trị người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình ngày 10/8/2023 của Bệnh viện Đ đối với bà V (BL 01), theo tài liệu này, bà V khai lý do nhập viện điều trị là do chồng đánh. Tại Biên bản xác minh ngày 04/12/2023 tại Công an thị trấn T, huyện H do Tòa án tiến hành cũng thể hiện, bà V và ông L có mâu thuẫn gia đình, bà V có đơn trình báo về việc ông L có hành vi bạo lực đối với bà, nhưng trong quá trình giải quyết bà V đã rút đơn trình báo nên Công an thị trấn T không tiếp tục giải quyết hồ sơ (BL 28). Như vậy, có căn cứ để khẳng định ông L đã dùng vũ lực đối với bà V, đây là hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào

khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5] Về con chung: Bà Trương Thị Hải V và ông Hồ Minh L có 03 con chung là Hồ Nhật H, sinh năm: 2001, Hồ Nhật Phương V2, sinh năm: 2003 và Hồ Nhật Minh T, sinh ngày 11/9/2009. Khi ly hôn, bà V đề nghị giao con chung là cháu T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng Hồ Nhật H và Hồ Nhật Phương V2 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, ông L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà V về con chung. Xét thấy, từ khi bà V và ông L ly thân đến nay, cháu T sống cùng với ông L tại Khu phố B, thị trấn T và được ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét thấy, cần giao con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng mới bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu T, cũng như sự ổn định nơi sinh sống và học tập của cháu, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T được thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 19/10/2023.

[6] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hải V:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Hải V được ly hôn với ông Hồ Minh L;

2. Về con chung: Giao con chung là Hồ Nhật Minh T, sinh ngày 11/9/2009 cho ông Hồ Minh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Trương Thị Hải V có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trương Thị Hải V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà V đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018005 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Tân. Bà Trương Thị Hải V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình.

6. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/01/2024); đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận*:*
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Tân Minh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Trọng